

# QUÀ MỪNG-SỰ TRỢ GIÚP CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG ĐÁM CƯỚI

(nghiên cứu trường hợp thôn Bùi, xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam)

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHÂM

Thôn Bùi là một trong 9 thôn của xã Trịnh Xá (huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam), có diện tích tự nhiên là 200 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 115,4 ha, với số dân 1173 người. Người dân làng Bùi cho đến nay vẫn làm nông nghiệp là chính, tuy vậy họ vẫn có nghề phụ là nghề mộc rất nổi tiếng. Trong lịch sử cũng như hiện nay làng Bùi có số đông người đi làm ăn xa theo mùa vụ. Theo kết quả điều tra của chúng tôi vào đầu tháng 1/2004, có khoảng 1/3 số khẩu trong thôn đi làm ăn xa. Cùng với xu hướng phát triển chung, đời sống kinh tế của làng Bùi đã và đang có nhiều đổi thay nhưng về cơ bản vẫn là một làng quê nông nghiệp tương đối điển hình. Diện mạo văn hoá của làng được thể hiện trong rất nhiều yếu tố, trong đó có đám cưới - một nghi lễ quan trọng trong cuộc đời mỗi con người. Đám cưới ở thôn Bùi hiện nay được chuẩn bị rất chu đáo, cỗ cưới chú trọng đặc biệt đến chất lượng và sự lịch sự, ân cần trong mời chào. Chi phí cho một đám cưới khá lớn so với thu nhập từ nông nghiệp. Điều gây sự chú ý của chúng tôi và cũng là lý do của bài viết này là: điều gì khiến cho đám cưới ở đây vừa ấm áp tình quê, vừa trang trọng, lịch sự không thua kém những đám cưới ở thành phố? Ngoài quan niệm đám cưới là một việc lớn nên cố lo cho chu đáo, ngoài đời sống kinh tế không đến nỗi quá khó khăn hiện nay, phải chăng còn có sự tham gia trợ giúp cả tinh thần và vật chất của họ hàng, bạn bè, người làng?

Khái niệm cộng đồng mà chúng tôi dùng trong bài viết này được hiểu là một tập hợp các

mối quan hệ thân tộc và phi thân tộc mà cá nhân và gia đình người tổ chức đám cưới có được trong quá trình sống và giao tiếp. Cách hiểu này gắn với khái niệm mạng lưới xã hội và vốn xã hội mà nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập đến như Pierre Bourdieu, Portes, Glen Loury, Coleman, Baker WE, Burt, Lương Văn Hy...<sup>1</sup> Mặc dù những lý thuyết này khá phức tạp, đôi lúc còn mơ hồ nhưng rất lý thú và trên thực tế, việc ứng dụng chúng vào nghiên cứu cụ thể lại rất đa dạng và có nhiều giá trị (đặc biệt ở 4 lĩnh vực: kinh tế, di dân, giáo dục việc thực thi qui tắc, quan hệ giới và hộ gia đình), trong đó mạng lưới xã hội ứng dụng trong nghiên cứu kinh tế có vẻ phổ biến và quen thuộc hơn cả<sup>2</sup>. Trong những nghiên cứu ứng dụng ấy tôi quan tâm nhiều hơn đến những trang viết về quà tặng (trong đó có quà tặng trong đám cưới) tại một làng ở Trung Quốc của Yunxiang Yan<sup>3</sup>. Chính nghiên cứu của Yan cùng với một số lý thuyết và nghiên cứu cụ thể khác nữa là gợi ý quan trọng cho tôi tìm hiểu về tiền mừng - một hình thức trợ giúp của cộng đồng - trong nghi lễ đám cưới ở thôn Bùi.

Đối tượng được chọn nghiên cứu là 21 hộ gia đình trong thôn có tổ chức đám cưới trong 5 năm trở lại đây<sup>4</sup>. Phỏng vấn sâu và ghi lại toàn bộ số ghi chép khách mời và quà mừng với sự giải thích rõ ràng của người dân là phương pháp chính để chúng tôi thu thập tư liệu. Ngoài ra thảo luận nhóm tập trung, quan sát tham dự cũng là những phương pháp được sử dụng hiệu quả trong nghiên cứu này.

Cộng đồng xã hội tham gia vào đám cưới ở thôn Bùi được chúng tôi chia làm 2 cấp độ:

- *Cộng đồng thân tộc*: Gồm có họ hàng gần và họ hàng xa: lấy cá nhân cô dâu (hoặc chú rể) tổ chức đám cưới làm trung tâm thì gia đình anh chị em ruột của cô dâu (chú rể), anh chị em ruột của bố mẹ cô dâu (chú rể) được tính là họ hàng gần.

- *Cộng đồng phi thân tộc*: Bạn bè, đồng nghiệp, đồng học, đồng tham gia các hội đoàn, hàng xóm, người làng của cô dâu (hoặc chú rể) và bố mẹ.

Vì đám cưới bao gồm một trình tự các nghi lễ mà quan trọng nhất là ngày cưới chính thức nên sự trợ giúp cũng rất đa dạng: có sự trợ giúp về tinh thần, về vật chất, sự trợ giúp trong việc thực hành nghi lễ và các công việc bếp núc... Một người có thể tham gia cùng một lúc vào nhiều loại hình trợ giúp. Ở bài viết này chúng tôi tập trung phân tích sự trợ giúp thể hiện bằng quà mừng là tiền.

Sau khi ghi lại toàn bộ sổ ghi tiền mừng của 21 gia đình chúng tôi có được bảng số liệu sau:

**Tỷ lệ tiền mừng theo quan hệ của từng gia đình**

TMT QH	Họ hàng gần				Họ hàng xa				Người cùng làng				Bạn bè			
	20 đến 30	50 đến 80	100 đến 200	trên 200	20 đến 30	50 đến 80	100 đến 200	trên 200	20 đến 30	50 đến 80	100 đến 200	trên 200	20 đến 30	50 đến 80	100 đến 200	trên 200
1	13	44	8		78	7			30				48	10	6	
%	5,3	18,0	3,3		31,9	2,9			12,3				19,7	4,1	2,5	
Tổng	244	244	244		244	244			244				244	244	244	
2	12	6	4		36				24				50	6		
%	8,6	4,3	2,9		25,8				17,1				35,8	4,3		
Tổng	140	140	140		140				140				140	140		
3	4	11	8		46	3			17	1			24	6		
%	3,3	9,2	6,7		38,3	2,5			14,1	0,8			20,0	5,0		
Tổng	120	120	120		120	120			120	120			120	120		
4	6	16	17	5	47	1			24				60	12	4	
%	3,1	8,3	8,9	2,6	24,4	0,5			12,5				31,3	6,3	2,1	
Tổng	192	192	192	192	192	192			192				192	192	192	



5	9	40	27	5	42	12			10	1			62	15		
%	3,8	16,7	11,3	2,1	17,6	5,0			4,2	0,4			25,9	6,3		
Tổng	239	239	239	239	239	239			239	239			239	239		
6	3	19	17		22	2			12	2			53	5	2	1
%	2,2	13,8	12,3		15,9	1,4			8,7	1,4			38,4	3,6	1,4	0,7
Tổng	138	138	138		138	138			138	138			138	138	138	138
7	6	10	18	1	59				20	2			15	10	8	
%	4,0	6,7	12,1	0,7	39,6				13,4	1,3			10,1	6,7	5,4	
Tổng	149	149	149	149	149				149	149			149	149	149	
8	4	35	17		70	5			49				50	18	2	
%	1,6	14,0	6,8		28,0	2,0			19,6				20,0	7,2	0,8	
Tổng	250	250	250		250	250			250				250	250	250	
9	7	14	6		40	6			50	5			41	8	2	
%	4,1	8,3	3,5		23,7	3,5			29,6	2,9			24,3	4,7	1,2	
Tổng	169	169	169		169	169			169	169			169	169	169	
10	4	17	2		30	6			37	1			30	3	1	
%	3,0	12,9	1,5		22,9	4,6			28,2	0,8			22,9	2,3	0,8	
Tổng	131	131	131		131	131			131	131			131	131	131	
11	9	21	4	1	41	6	1		19	1			20	2	1	
%	5,7	13,2	2,5	0,6	25,8	3,6	0,6		11,9	0,6			12,6	1,2	0,6	
Tổng	159	159	159	159	159	159	159		159	159			159	159	159	
12	2	30	11	1	62	2	3		12	1			28	6	2	
%	1,2	18,7	6,9	0,6	38,7	1,2	1,9		7,5	0,6			17,5	3,8	1,2	
Tổng	160	160	160	160	160	160	160		160	160			160	160	160	
13		46	7	1	61	7	2		19	1			60	2		
%		22,3	3,4	0,5	29,6	3,4	0,9		9,2	0,5			29,1	0,9		
Tổng		206	206	206	206	206	206		206	206			206	206		

<b>14</b>	10	12	9	1	32	7	1		16	1			47	2	1	
%	7,2	8,6	6,5	0,7	23,0	5,0	0,7		11,5	0,7			33,8	1,4	0,7	
Tổng	139	139	139	139	139	139	139		139	139			139	139	139	
<b>15</b>	6	37	2		68	7	2		26	1			51	6		
%	2,9	17,9	0,9		33,0	3,4	0,9		12,6	0,5			24,8	2,9		
Tổng	206	206	206		206	206	206		206	206			206	206		
<b>16</b>	2	40	1		57	2	1		17	2			29	4		
%	1,3	25,8	0,6		36,8	2,3	0,6		10,9	1,3			18,7	2,6		
Tổng	155	155	155		155	155	155		155	155			155	155		
<b>17</b>	10	27	4		34	6			13	1			22	5	1	
%	8,1	21,9	3,3		27,7	4,9			10,6	0,8			17,9	4,1	0,8	
Tổng	123	123	123		123	123			123	123			123	123	123	
<b>18</b>		47	10		18	9			19	2			31	8	2	
%		32,2	6,8		12,3	6,2			13,0	1,4			21,2	5,5	1,4	
Tổng		146	146		146	146			146	146			146	146	146	
<b>19</b>	16	19	6		37	4			14	4			34	4	2	
%	11,4	13,6	4,3		26,4	2,9			10,0	2,8			24,2	2,8	1,4	
Tổng	140	140	140		140	140			140	140			140	140	140	
<b>20</b>	7	31	16		42	6	4		21	2			27	17	3	
%	4,0	17,7	9,1		24,0	3,4	2,3		12,0	1,1			15,4	9,7	1,7	
Tổng	175	175	175		175	175	175		175	175			175	175	175	
<b>21</b>	8	36	7	5	64	6	2	1	26	1			16	9	2	1
%	4,3	19,6	3,8	2,7	34,8	3,3	1,1	0,5	14,1	0,5			8,7	4,9	1,1	0,5
Tổng	184	184	184	184	184	184	184	184	184	184			184	184	184	184

### Chú thích về cách đọc bảng:

- TMTQH: Tiền mừng theo quan hệ
- Hộ: thứ tự các hộ gia đình có đám cưới được chúng tôi phỏng vấn



- Đơn vị tiền được tính là nghìn đồng. “20 đến 30” có nghĩa là mức tiền mừng là từ 20.000đ đến 30.000đ.
- Số liệu được đọc theo cột dọc: mỗi hộ có 3 dòng, dòng đầu tiên là số lượng khách mừng, dòng thứ hai là phần trăm của số lượng khách mừng trên tổng số khách mừng, dòng thứ ba là tổng số khách mừng của cả đám cưới. Ví dụ, ở đám cưới số 1, ở nhóm hộ hàng gần, mức 20-30.000đ có 13 khách mừng, chiếm 5,3% trên tổng số 244 khách mừng của cả đám cưới.

Căn cứ vào danh sách mục quà mừng đám cưới của 21 gia đình đã được chúng tôi bước đầu thống kê ở bảng trên có thể đưa ra một số nhận xét như sau:

1. Theo thời gian quà mừng trong đám cưới ở thôn Bùi đã có những sự biến đổi rõ rệt theo sự biến đổi kinh tế - xã hội và tâm lý, thị hiếu của người dân. Nếu như trước kia (đến tận những năm 80) người ta thường tặng đám cưới những thứ đồ dùng gia đình và đồ dùng cho trẻ sơ sinh như: xoong, chậu, phích, đồng hồ, áo lọt lòng, khăn mặt, xoong quấy bột..., cũng có khi là gạo, thịt, gà..., thì hiện nay cả 21 gia đình chúng tôi phỏng vấn quà mừng của họ hầu hết là tiền, chỉ còn lác đác một vài người bạn thân của cô dâu chú rể còn tặng đồ dùng gia đình như: nồi cơm điện, phích đun điện, đồng hồ tranh, bàn là..., nhưng số lượng này không đáng kể để tính ra phần trăm. Vì vậy có thể nói quà mừng trong đám cưới ở thôn Bùi hiện nay chính là sự trợ giúp bằng tiền cho gia chủ tổ chức đám cưới.

2. Số lượng khách đến mừng đám cưới dao động từ 120 đến 250 (120-150: 9 đám, 151-199: 7 đám, 200-250: 5 đám); trong đó hộ hàng chiếm phần lớn số lượng khách mừng. Chỉ có 5 đám có số lượng hộ hàng cả xa và gần đến mừng, chiếm dưới 50% tổng số khách mừng đám cưới, còn lại 16 đám có số lượng hộ hàng đến mừng từ 52% đến 70%. Như vậy, trong các thành phần tham gia đám cưới ở thôn Bùi, hộ hàng là thành phần quan trọng và có số lượng đông nhất. Tiếp đến là bạn bè, trong đó bạn bè của cô dâu (hoặc chú rể) là nhiều hơn cả. Người làng thường là ít nhất. Các gia đình có đám cưới ở thôn Bùi không mời hết người làng vì họ rất ngại mời quá nhiều sau này không đi trả lại được. Việc đi trả lại này được họ đặc biệt chú trọng.

3. Tổng số tiền mừng trong một đám cưới ở thôn Bùi thường trội hơn chút ít so với chi phí mà gia đình làm đám cưới đã bỏ ra. Theo thời giá từ năm 2000 đến nay một mâm cỗ ở thôn Bùi khoảng từ 100 đến 120.000đ; thuê bàn ghế, bát đĩa, phòng bạt hết khoảng 300 đến 400.000đ; thuê váy áo cưới và trang điểm hết khoảng 100 đến 200.000đ. Chúng tôi đã cộng tổng tiền mừng của đám cưới số 1 được 8.739.000đ; đám cưới số 3 được 4.390.000đ. Đám cưới số 1 làm 50 mâm (120.000đ/mâm) và thuê các dịch vụ hết khoảng 6.500.000đ; đám cưới số 3 làm 30 mâm (100.000 đ/mâm) và thuê các dịch vụ hết khoảng 3.500.000 đ. Như vậy, với đám cưới số 1, gia chủ tổ chức đám cưới xong còn dư 2.239.000đ; đám cưới số 3 dư 1.890.000đ. Điều này cũng chứng tỏ vai trò trợ giúp hết sức quan trọng của cộng đồng thông qua việc mừng tiền trong đám cưới. Sự trợ giúp này cùng với sự đánh giá của cộng đồng làng qua việc tổ chức đám cưới đã tạo ra những “chuẩn mực ngầm định” khiến cho người dân trong làng, trong họ sống với nhau nghĩa tình hơn. Họ luôn luôn có tâm lý lo lắng nếu mình không sống chu đáo thì đến đám nhà mình không ai đi. Khi làm đám cưới, yếu tố chu đáo, lịch sự chào mời đón tiếp khách được đặc biệt coi trọng. Đây là một thực tế ghi nhận trong vài năm trở lại đây. Điều kiện kinh tế không phải là yếu tố hàng đầu quyết định qui mô tổ chức đám cưới ở thôn Bùi. Người dân nơi đây không quá lo lắng vì thiếu tiền làm đám cưới. Dù nhà nghèo họ vẫn lo được một đám cưới chu đáo. Từ việc thuê phòng bạt, bàn ghế, quần áo cho cô dâu đến chất lượng mâm cỗ, hầu như không có sự cách biệt nhiều giữa gia đình có điều kiện kinh tế và gia đình còn thiếu thốn.



4. Mức mừng tối thiểu và phổ biến nhất hiện nay trong đám cưới ở thôn Bùi là khoảng 20.000 - 30.000đ, càng các đám cưới về sau này thì người mừng 20.000đ càng ít. Chỉ có duy nhất đám cưới số 18 có 46,5% khách mừng từ 20.000 đến 30.000đ. Còn lại các đám khác tỷ lệ này từ 51,5% - 87,3%. Đối tượng mừng mức này tập trung ở những người họ hàng xa, bạn bè và người làng. Đối tượng khách mừng từ 50.000 đến 80.000đ. Trong tất cả các đám cưới đều tập trung với số lượng cao ở những người họ hàng gần (đám cưới số 18, mức mừng này chiếm đến 32,2% số lượng khách mừng). Đối tượng khách là bạn bè và họ xa cũng có mừng ở mức này nhưng số lượng không nhiều (cao nhất chỉ chiếm 9,7%). Mức mừng từ 100.000 đến 200.000đ cũng tập trung ở đối tượng khách là họ hàng gần và một số ít ở bạn bè, rất hiếm ở họ hàng xa và người làng. Mức mừng trên 200.000đ rất ít trong các đám cưới ở thôn Bùi. Trong cả 21 đám cưới chỉ có 21 khách mừng ở mức này và hầu hết là họ hàng gần (trừ 2 trường hợp là bạn bè ở đám cưới số 6 và 21). Như vậy, những người họ hàng gần thường có xu hướng mừng nhiều tiền hơn, thể hiện vai trò trợ giúp rõ rệt cả về tinh thần và vật chất cho đám cưới đó. Điều này cũng thể hiện sự cố kết dòng họ còn khá bền chặt ở một làng quê truyền thống như thôn Bùi.

5. Có thể nhận thấy sự trùng lặp khá nhiều của đối tượng khách dự đám cưới trong 21 đám cưới trên ở thôn Bùi, có một số đám khách trùng nhau đến 1/3. Điều đó ghi nhận mối quan hệ bền chặt "trong họ ngoài làng" của làng quê truyền thống hay chính là độ dày của mạng lưới xã hội ở cộng đồng nông thôn. Điều đáng lưu ý là đối tượng khách thì trùng nhau nhưng vai trò của từng đối tượng trong từng đám cưới khác nhau dẫn đến tiền mừng cũng khác nhau. Trong sổ ghi khách mừng của 21 gia đình trên có những khách có mặt ở 15 đám. Thử theo tên một ông trong số đó chúng tôi nhận thấy trong vai trò là người làng, ông mừng 30.000đ, trong vai trò là bạn đồng ngũ với bố chú rể ông mừng 50.000đ, trong

vai trò là anh con bác của bố cô dâu ông mừng 50.000đ, trong vai trò là bác ruột của cô dâu ông mừng 200.000đ. Thực tế này phản ánh độ mạnh, độ gắn gũi của quan hệ có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ trợ giúp mà cụ thể ở đây là tiền mừng.

6. Việc trao đổi quà mừng đám cưới được thực hiện một cách tự nguyện và chu đáo. Trong sổ ghi tiền mừng của khách chúng tôi thấy các gia đình đánh dấu hoặc gạch tên những người mà họ đã đi trả lại được. Họ ghi rõ số tiền đã đi lại, ít nhất là bằng số tiền mà người kia đã đi đám cưới nhà họ nhưng thường là đi hơn lên một chút. Nếu những người đã đi đám cưới nhà họ mà lại không có đám cưới nữa thì họ sẽ trả lại tiền mừng đó vào những dịp khác như vào nhà mới, mừng con cái sinh nở, lúc ốm đau... Chính vì tham gia một cách tự nguyện và chu đáo vào việc trao đổi quà mừng hay nói cách khác là trao đổi sự trợ giúp như vậy nên trong đám cưới người dân thôn Bùi nhận sự trợ giúp đó một cách thoải mái. Họ biết chắc chắn họ sẽ có một số tiền mừng như vậy để tổ chức đám cưới. Hơn nữa, phong tục ở thôn Bùi lại đi mừng đám cưới vào tối hôm trước (gia chủ kiểm phong bì ngay tối hôm đó để điều chỉnh số lượng mâm cỗ cho ngày hôm sau, vì chỉ có ai đến mừng thì hôm sau mới đến ăn cỗ) càng làm cho sự trợ giúp bằng tiền mừng có ý nghĩa thực tế đối với gia chủ.

Mặc dù với những số liệu cụ thể ở bảng trên đã nói lên nhiều điều, song liên quan đến quà mừng trong đám cưới còn có một vài những động thái khác không thể hiện ở những con số. Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung để tìm hiểu vấn đề này.

Trước hết không thể dựa hoàn toàn vào số lượng khách mừng đã ghi chính xác trong sổ để tính ra số lượng người dự đám cưới và số mâm cỗ cưới được làm. Ví dụ đám cưới số 12 khách mừng là 160 có nghĩa là gia chủ làm khoảng 27 mâm (6 người/mâm). Tuy nhiên trên thực tế số lượng người dự đông hơn và số mâm cỗ nhiều



hơn thế ít nhất là 5 - 10 mâm. Một khách mừng nếu là họ hàng thân thích có thể cả nhà cùng đi dự đám cưới, nhất là họ hàng gần. Tối hôm trước ngày cưới gia chủ ít nhất cũng phải làm vài mâm để mời họ hàng thân tộc và những người giúp đỡ.

Cũng không thể căn cứ hoàn toàn vào số lượng khách mừng, mức tiền mừng theo quan hệ với gia chủ mà đánh giá về mức độ trợ giúp. Mặc dù căn cứ vào bảng trên chúng ta thấy sự trợ giúp của họ hàng là quan trọng nhất cả về số lượng và giá trị tiền mừng. Trên thực tế vai trò của sự trợ giúp này vẫn được khẳng định là rất quan trọng nhưng cũng còn một động thái khác phân tán phần nào vai trò này. Như trên đã nói, những người họ hàng gần thường cả nhà đi dự đám cưới và còn giúp đỡ gia chủ những việc bếp núc, vì vậy họ thường ăn 2 - 3 bữa ở nhà gia chủ. Ngoài vai trò trợ giúp những công việc trực tiếp rất quan trọng của họ ra, nếu tính ở khía cạnh kinh tế thuần túy thì sự trợ giúp của họ bằng tiền mừng chỉ là quan trọng bằng, đôi khi còn kém những đối tượng khác như người làng hay bạn bè, những người chỉ có 1 người đi ăn cỗ và chỉ ăn một bữa. Tuy vậy trong các đám cưới hiện nay ở thôn Bùi số lượng những gia đình đi dự cả nhà như vậy không nhiều, chỉ dừng lại ở một số gia đình họ hàng anh em ruột thịt mà thôi. Vì vậy vẫn có thể khẳng định vai trò trợ giúp rất thiết thực và quan trọng của cộng đồng thân tộc trong đám cưới ở thôn Bùi.

Qua ý kiến của cả 4 nhóm thảo luận, chúng tôi nhận thấy cũng không thể chỉ dựa vào giá trị tiền mừng để đo độ mạnh yếu của quan hệ. Ý thức về dòng họ được xác định mạnh mẽ hơn trong những dịp quan trọng như đám cưới. Ví dụ bác cháu ruột, ngày thường ít có điều kiện thăm hỏi nhau nhưng đến đám cưới của cháu ông bác vẫn phải mừng cháu nhiều hơn người làng chút ít. Ngoài ra còn có những động thái cá nhân nữa được thể hiện trong tiền mừng. Ví dụ như những người đang có việc nhờ vả gia chủ có đám cưới sẽ mừng nhiều hơn; những người đi làm ăn xa

lâu ngày nay có điều kiện kinh tế hơn cũng thường mừng nhiều hơn, hoặc dự đám cưới gia đình nào chỉ có 1 con thì người đi dự sẽ nghĩ ngay đến việc gia chủ này chỉ cưới 1 con trong khi họ đã và sẽ đi hết đám cưới của cả mấy đứa con nhà mình, và họ cũng sẽ mừng nhiều hơn cho dù mối quan hệ chỉ là người làng, bạn bè hay họ rất xa...

Như phần trên chúng tôi đã nhận xét, điều kiện kinh tế không phải là nhân tố quan trọng hàng đầu để đo qui mô của đám cưới ở thôn Bùi mà qui mô đám cưới ở đây còn phụ thuộc vào khá nhiều yếu tố khác nữa: gia chủ có cả hai bên họ hàng nội ngoại còn sống nhiều ở làng không? Cha mẹ còn song toàn không? Trong gia đình có nhiều người đi ra ngoài làm công tác hay không? Cưới con thứ mấy trong nhà? Hai bên gia đình có nhiệt tình tán thành lễ cưới hay không?...

Như vậy, quà mừng trong đám cưới là một vấn đề quan trọng, phức tạp nhưng lại rất tế nhị mà liên quan đến nó là hàng loạt yếu tố thuộc về văn hoá, phong tục tập quán, tâm lý, thị hiếu, ứng xử... của người dân qua từng giai đoạn lịch sử. Tìm hiểu về quà mừng không những cần cách tiếp cận đa chiều mà còn cần kết hợp nhiều phương pháp mà bài viết nhỏ này của chúng tôi là một thử nghiệm bước đầu. Mặc dù còn có thể tìm hiểu quà mừng đám cưới ở nhiều chiều cạnh, nhiều góc độ khác nữa song vai trò trợ giúp và ý nghĩa duy trì mạng lưới quan hệ trong cộng đồng của quà mừng được chúng tôi nhấn mạnh hơn cả ở nghiên cứu này. Sự tham gia và trợ giúp của cộng đồng là không thể thiếu trong đám cưới và chính đám cưới lại là cơ hội tốt để thiết lập mạng lưới, trao đổi duy trì sự trợ giúp của người dân trong cộng đồng làng quê truyền thống như thôn Bùi.

### Chú thích

1. Xem bài điểm luận và danh mục tài liệu của Alejandro Portes: "Vốn xã hội: nguồn gốc và những sự áp dụng nó trong xã hội học hiện

đại”, Tạp chí Xã hội học hàng năm, 1998.24:1-24.

Website:

<http://soc.AnnualReview.org/egi/content/refs/24/1/1>

2. Yunxiang Yan, 1996, *The Flow of Gift: Reciprocity and Social Networks in a China Village*, Stanford University Press

3. Một vài nghiên cứu ứng dụng khái niệm vốn xã hội, mạng lưới xã hội:

- Kinh tế: Đó là nghiên cứu về khu phố Tàu ở New York (Zhou, 1992, *New York's Chinatown: The Socioeconomic Potential of an Urban Enclave*, Philadelphia: Temple Univ. Press); về khu phố Hàn Quốc ở Los Angeles (Nee V, Sanders JM, Sernau S. 1994, *Job transitions in an immigrant metropolis: ethnic boundaries and the mixed economy*. Am. Sociol. Rev. 59:849-72.) khẳng định mạng lưới cộng đồng là nguồn lực sống còn cho sự phát triển kinh doanh ở các khu vực này.

- Việc thực thi qui tắc: Điển hình là nghiên cứu của Zhou và Bankston (1996, “Social capital and the adaptation of the second generation: The case of Vietnamese youth in New Orleans” in *The New Second Generation*, ed. A Portes. pp.197-220, New York: Russell Sage Found) về mạng lưới cộng đồng liên kết chặt chẽ người gốc Việt Nam ở New Orleans đã duy trì kỷ luật và việc thực thi qui tắc bằng khả năng tin cậy

lẫn nhau mà ít cần đến những sự kiểm soát chính thức.

- Giới và hộ gia đình: nghiên cứu của McLanahan và Sandefur (1994, *Growing Up with a Single Parents: What Hurts, What Helps*. Cambridge, MA: Harvard Univ. Press) về hậu quả của việc làm cha mẹ đơn thân đối với thành tích học tập, việc bỏ học, tình trạng có thai vị thành niên, và những hệ quả khác của tuổi vị thành niên.

- Di dân và chuyển dịch kinh tế-xã hội: Nghiên cứu về người da đen ở Mỹ, Glen Loury (1977, “A dynamic theory of racial income differences”. In *Women, Minorities, and Employment Discrimination*, ed. PA Wallace, AM Lamond, pp. 153-86. Lexington, MA: Health) cho rằng họ khó phát triển được vì mạng lưới quan hệ của họ không rộng, họ gặp nhiều khó khăn vì khó có được những thông tin về nghề nghiệp cũng như cơ hội thăng tiến. Nghiên cứu của Đặng Nguyên Anh cũng chỉ ra rằng mạng lưới xã hội có vai trò to lớn trong quá trình di cư: quyết định di cư và lựa chọn nơi đến, tìm kiếm việc làm, trợ giúp ở nơi nhập cư (1998, Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư, Tạp chí Xã hội học, số 2, tr 16-23).

4. Toàn thôn Bùi từ năm 2000 đến nay có khoảng hơn 30 hộ có tổ chức đám cưới nhưng do họ vắng mặt vào thời điểm nghiên cứu, đã chuyển đi nơi khác, quá già yếu hoặc không muốn hợp tác với chúng tôi... nên cuối cùng chúng tôi chỉ phỏng vấn được 21 hộ.

